SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI LỘC; Thời gian ký: 2026-01-30T08:18:26+07:00

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 92 /QĐ-UBND ngày 19 / 1 /2026 của UBND xã Đại Lộc

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**420.440**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**101.412**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	31.699
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	69.713
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**319.028**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	219.195
2	Thu bổ sung thực hiện CCTL	47.820
3	Thu bổ sung có mục tiêu	52.013
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**420.440**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**420.440**
1	Chi đầu tư phát triển	35.371
2	Chi thường xuyên	378.657
3	Chi nộp cấp trên	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng ngân sách	6.412
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 92 /QĐ-UBND ngày 19 / 1 / 2026 của UBND xã Đại Lộc)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	B	3
I	**Nguồn thu ngân sách**	**420.440**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	101.412
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	319.028
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	219.195
-	Thu bổ sung thực hiện CCTL	47.820
-	Thu bổ sung có mục tiêu	52.013
3	Thu kết dư	0
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0
II	**Chi ngân sách**	**420.440**

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 92 /QĐ-UBND ngày 19 / 1/2026 của UBND xã Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN	**131.400**	**101.412**
I	**Thu nội địa**	**131.400**	**101.412**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.000	830
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	0	0
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	27.060	19.306
	Thuế giá trị gia tăng	6.660	5.528
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.600	13.778
	Thuế tài nguyên	3.800	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	34.840	28.950
	Thuế giá trị gia tăng	29.100	24.153
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.420	4.499
	Thuế tài nguyên	190	190
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	130	108
5	Thuế thu nhập cá nhân	16.600	13.778
6	Thuế bảo vệ môi trường		0
7	Lệ phí trước bạ	24.720	24.720
8	Thu phí, lệ phí	5.810	3.190
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.140	2.140
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.190	432
12	Thu tiền sử dụng đất	8.260	6.608
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	130	0
16	Thu khác ngân sách	6.850	659
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	800	800
II	**Thu từ dầu thô**		
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**		

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 92 /QĐ-UBND ngày 19 / 12 /2025 của UBND xã Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSĐP	***420.440***
I	**Chi đầu tư phát triển**	**35.371**
1	Chi đầu tư cho các dự án	35.371
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	**Chi thường xuyên**	**378.657**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	155.848
-	Chi khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo	2.000
-	Chi quốc phòng	4.653
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	4.524
-	Chi sự nghiệp y tế	19.160
-	Chi văn hóa thông tin	1.682
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.320
-	Chi thể dục thể thao	638
-	Chi bảo vệ môi trường	5.644
-	Chi các hoạt động kinh tế	36.948
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	46.507
-	Chi bảo đảm xã hội	95.612
-	Chi thường xuyên khác	4.121
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	
V	**Dự phòng ngân sách**	**6.412**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

Biểu số 86/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 92 /QĐ-UBND ngày 19 / 1 /2026 của UBND xã Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**298.997**	**3.170**	**293.834**						**1.993**		
I	**CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**											
1	Văn phòng Đảng ủy	9.461		9.461								
2	UBMT TQVN xã	5.253		5.253								
3	Văn phòng HĐND&UBND	14.499	3.170	11.329								
4	Phòng văn hóa - xã hội	100.326		100.326								
5	Phòng Kinh tế	28.988		26.995						1.993		
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính côn	1.578		1.578								
7	Trung tâm chính trị	1.050		1.050								
8	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	1.952		1.952								
9	THCS Nguyễn Trãi	15.552		15.552								
10	THCS Trần Phú	11.031		11.031								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH											
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG											
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)											
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU											

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp

Ghi chú *: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.*

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp .

Biểu số 88/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 92 /QĐ-UBND ngày 19 / 1 /2026 của UBND xã Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	**293.834**	**136.505**	**110**	**2.970**	**3.848**	**2.575**	**640**	**310**	**200**	**1.520**	**15.832**	**0**	**0**	**35.621**	**93.702**	**0**
1	Văn phòng Đảng ủy	9.461													9.461		
2	UBMT TQVN xã	5.253													5.253		
3	Văn phòng HĐND&UBND	11.329			2.970										8.359,145		
4	Phòng văn hóa - xã hội	100.326	115	110			2.575	360							3.493	93.672	
5	Phòng Kinh tế	26.995				3.848					1.520	14.700			6.927		
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	1.578													1.578		
7	Trung tâm chính trị	1.050	500												550		
8	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	1.952						280	310	200		1.132				30	
9	THCS Nguyễn Trãi	15.552	15.552														
10	THCS Trần Phú	11.031	11.031														
11	THCS Mỹ Hòa	13.396	13.396														
12	THCS Trần Hưng Đạo	9.430	9.430														

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
13	Nguyễn Đức Thiệu	8.644	8.644														
14	TH Hứa Tạo	7.862	7.862														
15	TH Đoàn Nghiên	5.316	5.316														
16	TH Nguyễn Công Sáu	7.179	7.179														
17	TH Trương Hoành	6.033	6.033														
18	TH Lê Thị Xuyến	5.767	5.767														
19	TH Nguyễn Ngọc Bình	9.428	9.428														
20	MG Đại Nghĩa	7.352	7.352														
21	MN Ái Nghĩa	5.622	5.622														
22	MN Đại Hòa	5.185	5.185														
23	MG Đại Hiệp	6.856	6.856														
24	MN Đại An	5.031	5.031														
25	MN Bình Minh	6.207	6.207														

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp

Biểu số 92/CK-NSNN

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 92 /QĐ-UBND ngày 19 / 1 /2026 của UBND xã Đại Lộc)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		
						Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn				Ngân sách xã		
							NSTW	NS thành phố	NS xã		NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG					**104.424,467**	**2.350,383**	**19.302,027**	**20.425,057**	**35.371,000**	**28.763,000**	**6.608,000**	
I	**Thanh toán khối lượng**					**23.016,285**	**1.218,195**	**10.113,190**	**11.684,900**	**2.971,000**	**2.971,000**	**0,000**	
A	**Chương trình MTQGXDNTM**					**3.828,72**	**1.218,19**	**1.963,55**	**646,97**	**392,83**	**392,832**	**0,00**	
1	Giao thông Nội đồng: Tuyến Đại Phú Đi bùng Mỹ Thuận	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8019219	201-29/3/2023	780,000	546,000	156,000	78,000	103,682	103,682		
2	Nâng cấp đường GTNT tuyến Liên Thuận từ nhà ông Mai Văn Minh đến nhà bà Phạm Thị Bốn	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8059326	467-20/11/2023	513,398	205,359	154,019	154,019	128,061	128,061		
3	Đường GTNĐ thôn Phiếm Ái 2 (Tuyến từ nhà bà Hoa đi lô Đông Phước)	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8146150	109; 22/4/2025	250,000		207,310	42,690	32,108	32,108		
4	Đường giao thông nội đồng từ Gò Chàm đến Đới Viên	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8089383	61-29/5/2024	666,908	466,836	133,382	66,691	19,279	19,279		
5	Bê tông đường giao thông nội đồng tuyến từ ĐT609B đến Cầu sắt, Phú Trung	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8090552	201 - 29/10/2024	899,500		809,600	89,900	89,574	89,574		
6	Xây dựng mương thoát nước khu dân cư tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Em đến nhà bà Huỳnh Thị Điểm, thôn Phú Hải, xã Đại Hiệp	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8107999	130 - 16/9/2024; 38 - 19/3/2025	718,913		503,239	215,674	20,128	20,128		
B	**Dự án đầu tư ngoài Chương trình MTQGXDNTM**					**19.187,566**	**0,000**	**8.149,640**	**11.037,926**	**2.578,168**	**2.578,168**	**0,000**	
1	Đường giao thông nông thôn thôn An Lợi Tây (đoạn từ nhà ông Nguyễn Hùng đến nhà ông Lê Viết Chín), xã Đại Nghĩa	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8141529	76 - 02/4/2025	1.195,547		900,000	295,547	142,981	142,981		

2	Xây dựng khu Trung tâm VHTT thị trấn Ái Nghĩa	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	7903601	126 - 10/12/2019	13.384,849		6.749,640	6.635,209	1.000,000	1.000,000		
3	Nâng cấp tuyến giao thông ĐTh13 khu Nghĩa Trung(Đoạn từ ĐT609 NVH đến giáp sông Vu Gia)	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	7991786	130 - 19/9/2022	1.199,396		500,000	699,396	497,113	497,113		
4	Công trình NTLS thị trấn Ái Nghĩa - HM: Cổng ngõ, cây xanh, bồn hoa, hệ thốn điện nước và các hạng mục phụ trợ năm 2025	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8105530	11-06/2/2025	900,000			900,000	400,000	400,000		
5	Công trình Nâng cấp mở rộng đường GT ĐX6 khu Hòa Đông (đoạn từ nhà ông Lê Viết Phước đi cầu Bàu Lá đến giáp thôn An Lợi Tây xã Đại Nghĩa- HM: Cầu và đường dẫn	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8105530	280 - 31/12/2024	1.310,085			1.310,085	138,074	138,074		
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMT thị trấn Ái Nghĩa - HM: Mở rộng hội trường	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8105401	159 - 6/6/2024	1.197,689			1.197,689	400,000	400,000		
II	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030**					**27.261,183**	**1.132,19**	**9.188,84**	**8.740,16**	**8.800,00**	**2.192,00**	**6.608,00**	
A	**Chương trình MTQGXDNTM**					**8.014,782**	**1.132,19**	**4.478,16**	**2.404,43**	**1.600,00**	**1.600,00**	**0,00**	
1	Nâng cấp và mở rộng đường GTNT: Tuyến ĐX12 đoạn từ trường Đoàn Nghiên đi thôn Đại An cũ	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8019011	196 - 28/03/2023	1.737,628	695,051	521,288	521,288	400,000	400,000		
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường GTNT thôn Đại Phú: Đoạn Huỳnh Văn Nhu đến nhà Bà Đỗ Thị Liên	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8019549	314-03/07/2023	1.092,842	437,137	327,853	327,853	300,000	300,000		
3	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT Tuyến Trường Đoàn Nghiên đi Hòa Tây	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8019010	302-01/12/2022	2.982,306		2.087,614	894,692	500,000	500,000		
4	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT Tuyến ĐT 609 đi Nghĩa Tây	Phòng Kinh tế	xã Đại Lộc	8019218	202 - 29/3/2023	2.202,006		1.541,404	660,602	400,000	400,000		
B	**Dự án đầu tư ngoài Chương trình MTQGXDNTM**					**19.246,401**	**0,000**	**4.710,678**	**6.335,723**	**7.200,000**	**592,000**	**6.608,000**	
B.1	**THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH**					**11.046,401**	**0,000**	**4.710,678**	**6.335,723**	**2.300,000**	**592,000**	**1.708,000**	
*	**Kiên cố hóa hệ thống Đường giao thông nông thôn (GTNT)**					**1.653,338**	**0,000**	**710,678**	**942,660**	**300,000**	**300,000**	**0,000**	

1	Bê tông hóa đường GTNT trục thôn tuyến ĐTh12, ĐTh8, ĐTh69 thôn Phiếm Ái, Đại Nghĩa	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8012227	4733 - 02/12/2022	910,020		414,349	495,671	100,000	100,000		
2	Bê tông hóa đường GTNT trục thôn tuyến ĐTh25 thôn Liên, Thuận Đại Nghĩa	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8012226	4734 - 02/12/2022	453,006		173,057	279,949	100,000	100,000		
3	Bê tông hóa đường GTNT trục thôn tuyến ĐTh5 thôn Nghĩa Tây, Đại Nghĩa	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8013574	51 - 13/02/2023	290,312		123,272	167,040	100,000	100,000		
*	**Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 về quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung**					**9.393,063**	**0,000**	**4.000,000**	**5.393,063**	**2.000,000**	**292,000**	**1.708,000**	
1	Nâng cấp mở rộng đường bê tông tuyến ĐX17 khu Nghĩa Mỹ từ nhà ông Phạm Văn Phụng khu Song Mỹ đến kênh thủy lợi khu Nghĩa Mỹ TT Ái Nghĩa	Văn phòng HĐND và UBND	xã Đại Lộc	8108284	188 - 06/9/2024	9.393,063		4.000,000	5.393,063	2.000,000	292,000	1.708,000	
B2	**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN**					**8.200**				**4.900**		**4.900**	
1	Trường Mầm non Đại Hiệp; Hạng mục: Xây mới 05 phòng làm việc, có tổng mức đầu tư		xã Đại Lộc			1.800,00							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
2	Trường Tiểu học Đoàn Nghiên; Hạng mục: Nâng cấp sân trường		xã Đại Lộc			1.200,00							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
3	Nạo vét bùn, thông cống, xây dựng mương thoát nước trên địa bàn xã (cũ); hạng mục: Nạo vét bùn, thông cống, mương thoát nước; thay thế tấm gan miệng hố ga thu nước, tấm đan mương, hố ga bị hư hỏng và xây dựng mương thoát nước		xã Đại Lộc			2.000,00							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
4	Di dời các trụ điện nằm trên mặt đường bê tông hiện trạng		xã Đại Lộc			1.200,00							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư

tienlp - 21/10/2026 10:10:39 - tienlp - tienlp - tienlp

5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường GTNT từ kênh Thủy Lợi (KN1) đến nhà ông Nguyễn Quang Chí khu Song Mỹ; Hạng mục: Nền, Mặt đường bê tông xi măng; mương thoát nước và các hạng mục công trình trên tuyến		xã Đại Lộc			2.000,00							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
III	**Dự án dự kiến đầu tư mới**					**54.147**				**23.600**	**23.600**		
1	Nâng cấp, sửa chữa Di tích lịch sử Đồn Chợ Cá		xã Đại Lộc			600							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
2	Đường từ ĐT.609B nối ĐT.609 đến trung tâm xã Đại Lộc		xã Đại Lộc			20.000							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
3	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường ĐH3.ĐL (xã Đại Hòa cũ)		xã Đại Lộc			2.400							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
4	Trồng cây xanh tuyến đường giao thông từ ĐH3.ĐL (Đại An) đi trung tâm hành chính xã Đại Lộc (đoạn xã Đại An cũ)		xã Đại Lộc			1.500							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
5	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường giao thông từ ĐH3.ĐL (Đại An) đi trung tâm hành chính huyện Đại Lộc		xã Đại Lộc			2.400							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
6	Trường THCS Trần Hưng Đạo; hạng mục: Nhà vệ sinh		xã Đại Lộc			500							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
7	Trường tiểu học Nguyễn Ngọc Bình; hạng mục: Nhà chờ và sân trước cổng trường		xã Đại Lộc			300							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường GTNT ĐTh54 từ nhà bà Lê Thị Ảnh (Kênh thủy lợi) đến nhà nghỉ Cây dừa		xã Đại Lộc			1.500							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
9	Kiên cố hóa đường nội đồng: ĐNĐồng7: Nhà Nguyễn Xuân Năm - Đồng Tây An và Tuyến ĐNĐồng9: Hoàn Dinh 2 - Khu cải tạo thôn Hòa Đông		xã Đại Lộc			2.289							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp

10	Kiên cố hóa đường nội đồng Tuyến ĐNĐồng5: Nhà Phạm Lẹ - Bàu Sen, thôn Hòa Đông		xã Đại Lộc			1.858							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường GTNT từ nhà ông Huỳnh Ngọc Chí đến nhà ông Nguyễn Thanh Tuấn (tổ 7 Xóm Tà Dua) thôn Nghĩa Mỹ		xã Đại Lộc			2.000							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường GTNT từ làng Bộ Nam đến làng Lộc Bình, thôn 3		xã Đại Lộc			2.000							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường GTNT từ nhà ông Nguyễn Duy đến Dinh Bà; tuyến từ nhà ông Trương Văn Linh đến nhà ông Võ Sinh và tuyến đường Lộ Minh Hân đến nhà ông Võ Lanh, thôn Nghĩa Tây		xã Đại Lộc			2.000							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
14	Kiên cố hóa tuyến đường từ Quốc lộ 14B đến nhà ông Đặng Phu, thôn Phú Quý		xã Đại Lộc			1.500							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
15	Kiên cố hóa đường thôn từ TBA 110Kv đến kênh thủy lợi và tuyến đường từ nhà ông Ngô Văn Lanh đến Phan Dũng, thôn Nghĩa Hiệp		xã Đại Lộc			2.000							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
16	Kiên cố hóa đường thôn: Tuyến từ nhà ông Nguyễn Xuân Ba đến Giếng Ông Thừa; Tuyến ĐTh10: Nhà ông Hùng - Nhà Nguyễn Tấn Mười thôn An Đông		xã Đại Lộc			1.700							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
17	Kiên cố hóa tuyến đường ĐTh3 từ ĐH3.ĐL (nhà ông Xếch) đến nhà ông Kinh khu dân cư số 2, thôn 1		xã Đại Lộc			2.400							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
18	Kiên cố hóa đường thôn: Tuyến từ ĐT609 đến nhà ông Nguyễn Hữu Chiến và tuyến đường từ nhà ông Võ Ngọc Thế đến nhà bà Trần Thị Hạnh, thôn Đại Phú		xã Đại Lộc			1.400							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp

19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường GTNT từ Cổng chào thôn Phú Nghĩa đến giáp đường ĐH3 đi trung tâm hành chính xã Đại Lộc		xã Đại Lộc			2.200							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
20	Kiến cố hóa đường GTNT từ nhà ông Nguyễn Thạnh đến đường vào Đình làng Mỹ Hòa - Kênh KN1, thôn 2		xã Đại Lộc			2.000							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư
21	Trụ sở làm việc Đảng ủy xã Đại Lộc; hạng mục: hệ thống tiêu âm hội trường.		xã Đại Lộc			1.600							Phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư

tienlp - 21/10/2026 10:10:29 - tienlp - tienlp - tienlp